



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 12 năm 2023

LỊCH THI HỌC KỲ 1, NĂM HỌC 2023 - 2024
Bậc đào tạo: TRUNG CẤP - KHÓA 2023 (T4)

ST T	Lớp học	Mã học phần	Nhóm	Sĩ số	Môn thi	Thứ	Ngày thi	Thời gian thi	Giờ thi	Hình thức thi	Phòng Thi
1	23T4-	0714001981	1	38	Giáo dục chính trị	4	10/01/2024	60	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 01
2	23T4-	0714001981	2	38	Giáo dục chính trị	4	10/01/2024	60	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 02
3	23T4-	0714001981	3	38	Giáo dục chính trị	4	10/01/2024	60	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 03
4	23T4-	0714001981	4	38	Giáo dục chính trị	4	10/01/2024	60	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 04
5	23T4-	0714001981	5	38	Giáo dục chính trị	4	10/01/2024	60	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 05
6	23T4-	0714001981	6	38	Giáo dục chính trị	4	10/01/2024	60	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 01
7	23T4-	0714001981	7	38	Giáo dục chính trị	4	10/01/2024	60	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 02
8	23T4-	0714001981	8	38	Giáo dục chính trị	4	10/01/2024	60	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 03
9	23T4-	0714001981	9	38	Giáo dục chính trị	4	10/01/2024	60	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 04
10	23T4-	0714001981	10	38	Giáo dục chính trị	4	10/01/2024	60	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 05
11	23T4-	0714001981	11	38	Giáo dục chính trị	4	10/01/2024	60	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	C3.2 - 01
12	23T4-	0714001981	12	38	Giáo dục chính trị	4	10/01/2024	60	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	C3.2 - 02
13	23T4-QKS; QNH	0714002529	1	36	Giao tiếp trong du lịch	4	10/01/2024	60	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	C3.2 - 03
14	23T4-QKS; QNH	0714002529	2	36	Giao tiếp trong du lịch	4	10/01/2024	60	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	C3.2 - 04
15	23T4-QKS; QNH	0714002529	3	36	Giao tiếp trong du lịch	4	10/01/2024	60	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	C3.2 - 05
16	23T4-QDL	0714002535		38	Marketing du lịch MICE	4	10/01/2024	90	13H00	Tự luận	C3.3 - 01
17	23T4-	0714001981	13	38	Giáo dục chính trị	4	10/01/2024	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 01
18	23T4-	0714001981	14	38	Giáo dục chính trị	4	10/01/2024	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 02
19	23T4-	0714001981	15	38	Giáo dục chính trị	4	10/01/2024	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 03
20	23T4-	0714001981	16	38	Giáo dục chính trị	4	10/01/2024	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 04
21	23T4-	0714001981	17	38	Giáo dục chính trị	4	10/01/2024	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 05
22	23T4-	0714001981	18	38	Giáo dục chính trị	4	10/01/2024	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 01
23	23T4-	0714001981	19	38	Giáo dục chính trị	4	10/01/2024	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 02
24	23T4-	0714001981	20	38	Giáo dục chính trị	4	10/01/2024	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 03
25	23T4-	0714001981	21	38	Giáo dục chính trị	4	10/01/2024	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 04

ST T	Lớp học	Mã học phần	Nhóm	Sĩ số	Môn thi	Thứ	Ngày thi	Thời gian thi	Giờ thi	Hình thức thi	Phòng Thi
26	23T4-	0714001981	22	38	Giáo dục chính trị	4	10/01/2024	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 05
27	23T4-	0714001981	23	38	Giáo dục chính trị	4	10/01/2024	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C3.2 - 01
28	23T4-	0714001981	24	38	Giáo dục chính trị	4	10/01/2024	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C3.2 - 02
29	23T4-QKS; QDL; QNH	0714002277	1	38	Tổng quan về du lịch	4	10/01/2024	90	15H30	Tự luận	C3.2 - 03
30	23T4-QKS; QDL; QNH	0714002277	2	38	Tổng quan về du lịch	4	10/01/2024	90	15H30	Tự luận	C3.2 - 04
31	23T4-QKS; QDL; QNH	0714002277	3	38	Tổng quan về du lịch	4	10/01/2024	90	15H30	Tự luận	C3.2 - 05
32	23T4-QKS; QDL; QNH	0714002277	4	38	Tổng quan về du lịch	4	10/01/2024	90	15H30	Tự luận	C3.3 - 01
1	23T4-ĐĐT; ĐCN	0714001667	1	38	An toàn điện	6	12/01/2024	90	13H00	Tự luận	C2.2 - 01
2	23T4-ĐĐT; ĐCN	0714001667	2	38	An toàn điện	6	12/01/2024	90	13H00	Tự luận	C2.2 - 02
3	23T4-ĐĐT; ĐCN	0714001667	3	38	An toàn điện	6	12/01/2024	90	13H00	Tự luận	C2.2 - 03
4	23T4-KML; VSL	0714001975	1	38	Nhiệt động kỹ thuật	6	12/01/2024	90	13H00	Tự luận	C2.2 - 04
5	23T4-KML; VSL	0714001975	2	38	Nhiệt động kỹ thuật	6	12/01/2024	90	13H00	Tự luận	C2.2 - 05
6	23T4-KML; VSL	0714001975	3	38	Nhiệt động kỹ thuật	6	12/01/2024	90	13H00	Tự luận	C2.3 - 01
7	23T4-KLB	0714002284	1	38	Tổng quan bếp bánh	6	12/01/2024	90	13H00	Tự luận	C2.3 - 02
8	23T4-KLB	0714002284	2	38	Tổng quan bếp bánh	6	12/01/2024	90	13H00	Tự luận	C2.3 - 03
9	23T4-LGT	0714002351		26	Bao bì - Đóng gói hàng hóa	6	12/01/2024	90	13H00	Tự luận	C2.3 - 04
10	23T4-KXD	0714002099		12	Cơ học xây dựng	6	12/01/2024	90	13H00	Tự luận	
11	23T4-QTD	0714002090	1	36	Quản trị học	6	12/01/2024	60	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 05
12	23T4-QTD	0714002090	2	12	Quản trị học	6	12/01/2024	60	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	C3.2 - 01
13	23T4-CNM	0714002078		17	Mỹ thuật trang phục	6	12/01/2024	60	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	
14	23T4-KTD	0714002022	1	24	Nguyên lý kế toán	6	12/01/2024	60	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	C3.2 - 02
15	23T4-KTD	0714002022	2	24	Nguyên lý kế toán	6	12/01/2024	60	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	C3.2 - 03
16	23T4-ĐĐT; ĐCN	0714001669	1	38	Khí cụ điện	6	12/01/2024	90	15H30	Tự luận	C2.2 - 01
17	23T4-ĐĐT; ĐCN	0714001669	2	38	Khí cụ điện	6	12/01/2024	90	15H30	Tự luận	C2.2 - 02
18	23T4-ĐĐT; ĐCN	0714001669	3	38	Khí cụ điện	6	12/01/2024	90	15H30	Tự luận	C2.2 - 03
19	23T4-KML; VSL	0714002205	1	38	Cơ sở kỹ thuật Điện - Điện tử	6	12/01/2024	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 04
20	23T4-KML; VSL	0714002205	2	38	Cơ sở kỹ thuật Điện - Điện tử	6	12/01/2024	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 05
21	23T4-KML; VSL	0714002205	3	38	Cơ sở kỹ thuật Điện - Điện tử	6	12/01/2024	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 01

ST T	Lớp học	Mã học phần	Nhóm	Sĩ số	Môn thi	Thứ	Ngày thi	Thời gian thi	Giờ thi	Hình thức thi	Phòng Thi
22	23T4-KLB	0714002283	1	38	Tổng quan du lịch và khách sạn	6	12/01/2024	90	15H30	Tự luận	C2.3 - 02
23	23T4-KLB	0714002283	2	38	Tổng quan du lịch và khách sạn	6	12/01/2024	90	15H30	Tự luận	C2.3 - 03
24	23T4-LGT	0714001795		28	Logistics cơ bản	6	12/01/2024	90	15H30	Tự luận	C2.3 - 04
25	23T4-KXD	0714002088		13	Trắc địa đại cương	6	12/01/2024	60	15H30	Tự luận	
26	23T4-QTD	0714001721	1	26	Kinh tế vi mô	6	12/01/2024	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 05
27	23T4-QTD	0714001721	2	26	Kinh tế vi mô	6	12/01/2024	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C3.2 - 01
28	23T4-KTD	0714002559	1	24	Luật kinh tế	6	12/01/2024	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C3.2 - 02
29	23T4-KTD	0714002559	2	24	Luật kinh tế	6	12/01/2024	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C3.2 - 03
1	23T4-NHQ; 23T4-NTN	0714002779		24	Cơ sở Văn hóa Việt Nam	3	16/01/2024	60	13H00	Tự luận	C2.2 - 01
2	23T4-CNÔ	0714002075	1	36	Động cơ đốt trong	3	16/01/2024	60	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 02
3	23T4-CNÔ	0714002075	2	36	Động cơ đốt trong	3	16/01/2024	60	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 03
4	23T4-CNÔ	0714002075	3	36	Động cơ đốt trong	3	16/01/2024	60	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 04
5	23T4-CNÔ	0714002075	4	36	Động cơ đốt trong	3	16/01/2024	60	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 05
6	23T4-CNÔ	0714002075	5	36	Động cơ đốt trong	3	16/01/2024	60	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 01
7	23T4-CNÔ	0714002075	6	36	Động cơ đốt trong	3	16/01/2024	60	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 02
8	23T4-CNÔ	0714002075	7	36	Động cơ đốt trong	3	16/01/2024	60	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 03
9	23T4-CNÔ	0714002075	8	36	Động cơ đốt trong	3	16/01/2024	60	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 04
10	23T4-CNÔ	0714002075	9	36	Động cơ đốt trong	3	16/01/2024	60	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 05
11	23T4-CĐT	0714001078		29	Vẽ kỹ thuật	3	16/01/2024	60	13H00	Tự luận	C3.2 - 01
12	23T4-NNA	0714001998	1	38	Ngữ pháp Tiếng Anh 1	3	16/01/2024	60	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	C3.2 - 02
13	23T4-NNA	0714001998	2	38	Ngữ pháp Tiếng Anh 1	3	16/01/2024	60	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	C3.2 - 03
14	23T4-TMĐ	0714000550		33	Marketing điện tử	3	16/01/2024	90	13H00	Tự luận	C3.2 - 04
15	23T4-CCK; CTM	0714001068	1	38	An toàn lao động	3	16/01/2024	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 01
16	23T4-CCK; CTM	0714001068	2	38	An toàn lao động	3	16/01/2024	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 02
17	23T4-CCK; CTM	0714001068	3	38	An toàn lao động	3	16/01/2024	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 03
18	23T4-CCK; CTM	0714001068	4	38	An toàn lao động	3	16/01/2024	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 04
19	23T4-CĐT	0714002137		27	An toàn lao động	3	16/01/2024	90	15H30	Tự luận	C2.2 - 05
20	23T4-QKS	0714002280	1	26	Nghịệp vụ văn phòng	3	16/01/2024	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 01

ST T	Lớp học	Mã học phần	Nhóm	Sĩ số	Môn thi	Thứ	Ngày thi	Thời gian thi	Giờ thi	Hình thức thi	Phòng Thi
21	23T4-QKS	0714002280	2	26	Nghệp vụ văn phòng	3	16/01/2024	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 02
22	23T4-TMD	0714002822		30	Nhập môn Thương mại điện tử	3	16/01/2024	90	15H30	Tự luận	C2.3 - 03
23	23T4-QDL; QNH	0714002278	1	34	Tâm lý khách du lịch	3	16/01/2024	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 04
24	23T4-QDL; QNH	0714002278	2	34	Tâm lý khách du lịch	3	16/01/2024	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 05
25	23T4-QDL; QNH	0714002278	3	34	Tâm lý khách du lịch	3	16/01/2024	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C3.2 - 01
26	23T4-NNA; NHQ; NTN	0714003285	1	32	Tiếng Việt Thực hành	3	16/01/2024	60	15H30	Tự luận	C3.2 - 02
27	23T4-NNA; NHQ; NTN	0714003285	2	32	Tiếng Việt Thực hành	3	16/01/2024	60	15H30	Tự luận	C3.2 - 03
28	23T4-NNA; NHQ; NTN	0714003285	3	32	Tiếng Việt Thực hành	3	16/01/2024	60	15H30	Tự luận	C3.2 - 04
Các môn thi phòng máy khoa CNTT											
1	23T4-ĐHĐ; LTM; TKW; THU	0714002867	1	32	Phần cứng và mạng máy tính	4	17/01/2024	60	07H15	Trắc nghiệm trên máy	E2.1 - 01
2	23T4-ĐHĐ; LTM; TKW; THU	0714002867	2	32	Phần cứng và mạng máy tính	4	17/01/2024	60	07H15	Trắc nghiệm trên máy	E2.1 - 02
3	23T4-ĐHĐ; LTM; TKW; THU	0714002867	3	32	Phần cứng và mạng máy tính	4	17/01/2024	60	07H15	Trắc nghiệm trên máy	E2.1 - 03
4	23T4-ĐHĐ; LTM; TKW; THU	0714002867	4	32	Phần cứng và mạng máy tính	4	17/01/2024	60	08H30	Trắc nghiệm trên máy	E2.1 - 01
5	23T4-ĐHĐ; LTM; TKW; THU	0714002867	5	32	Phần cứng và mạng máy tính	4	17/01/2024	60	08H30	Trắc nghiệm trên máy	E2.1 - 02
6	23T4-ĐHĐ; LTM; TKW; THU	0714002867	6	32	Phần cứng và mạng máy tính	4	17/01/2024	60	08H30	Trắc nghiệm trên máy	E2.1 - 03
7	23T4-ĐHĐ; LTM; TKW; THU	0714002867	7	32	Phần cứng và mạng máy tính	4	17/01/2024	60	09H45	Trắc nghiệm trên máy	E2.1 - 01
8	23T4-ĐHĐ; LTM; TKW; THU	0714002867	8	32	Phần cứng và mạng máy tính	4	17/01/2024	60	09H45	Trắc nghiệm trên máy	E2.1 - 02
9	23T4-CMT; QTM	0714003275	1	32	Mạng máy tính và quản trị mạng	4	17/01/2024	60	09H45	Trắc nghiệm trên máy	E2.1 - 03
10	23T4-CMT; QTM	0714003275	2	32	Mạng máy tính và quản trị mạng	4	17/01/2024	60	11H00	Trắc nghiệm trên máy	E2.1 - 01
11	23T4-CMT; QTM	0714003275	3	32	Mạng máy tính và quản trị mạng	4	17/01/2024	60	11H00	Trắc nghiệm trên máy	E2.1 - 02
1	23T4-NNA; NHQ; NTN	0714002070	1	30	Tin học	5	18/01/2024	90	07H30	Trên máy tính	E2.1 - 01
2	23T4-NNA; NHQ; NTN	0714002070	2	30	Tin học	5	18/01/2024	90	07H30	Trên máy tính	E2.1 - 02

ST T	Lớp học	Mã học phần	Nhóm	Sĩ số	Môn thi	Thứ	Ngày thi	Thời gian thi	Giờ thi	Hình thức thi	Phòng Thi
3	23T4-NNA; NHQ; NTN	0714002070	3	30	Tin học	5	18/01/2024	90	07H30	Trên máy tính	E2.1 - 03
4	23T4-NNA; NHQ; NTN	0714002070	4	30	Tin học	5	18/01/2024	90	07H30	Trên máy tính	E3 - 01

PHÒNG KHẢO THÍ VÀ ĐBCL